TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2024/HS-ST
Ngày 21 tháng 8 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Chí Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đức Thụy và bà Hoàng Thị Thiện Lai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trọng Khiêm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Trương Minh Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 69/2024/TLST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2024/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Văn Đ, sinh năm 1976, tại huyện C, tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hoá (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn B và bà Võ Thị H (đã chết); có vợ là Trần Thị L và 01 người con sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: chưa; bị tạm giữ từ ngày 23/02/2024 đến ngày 03/3/2024 chuyển tạm giam cho đến nay; có mặt.

Bị hại: Bà Trần Thị L, sinh năm 1978; nơi cư trú: ấp B, xã P, huyện P, tỉnh An Giang; có mặt.

Người làm chứng: Ông Trần Ngọc Ê và ông Phan Văn D; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn Đ và Trần Thị L cùng ngụ ấp A, xã A, huyện C, có mối quan hệ vợ chồng hợp pháp, đã sống ly thân từ năm 2022. Ngày 09/02/2024, Đ gọi điện thoại nói dối Lượm mảnh đất thuộc quyền sử dụng của vợ chồng đã có người mua và đặt tiền cọc và kêu Lượm ngày 13/02/2024 về nhà của Đ để làm thủ tục sang tên bán đất, mục đích để L chịu về gặp Đ hàn gắn tình cảm vợ chồng. Sáng ngày 13/02/2024, L đi xe buýt đến phà A. Đảo đón và chở L đến viếng mộ mẹ

của Đ tại ấp A, xã A. Khi đó, Đ nói với L sau khi viếng mộ xong rồi đi làm thủ tục sang tên bán đất thì L đồng ý. Viếng mộ xong, Đ và L cùng đi bộ vào căn nhà của cha mẹ Đ ở cạnh khu mộ, không ai sinh sống. Lượm thấy bao quần áo cũ nên ngồi soạn lại. Đảo tiếp tục khuyên Lượm về chung sống với Đ nhưng L không đồng ý. TRONG lúc tức giận, Đ lấy đoạn gỗ trụ tròn cầm trên tay trái đánh một cái vào vùng sau gáy của L. Khi L quay mặt lại thì bị Đ đánh trúng vào trán, đầu và mặt. Lượm đưa hai tay lên đỡ thì bị đánh trúng mu bàn tay phải và cánh tay trái. Lượm xin Đ đừng đánh nữa và chở L đến bệnh viện nhưng Đ tiếp tục cầm đoạn gỗ đánh nhiều cái vào đầu và mặt L. Lúc này, L đứng lên bỏ chạy thì bị Đ nắm cổ áo, cầm đoạn gỗ đánh vào hông và đùi phải của L. Do thấy L bị chảy nhiều máu nên Đ dừng lại. Lượm bỏ chạy và được đưa đến Bệnh viện Đ1 để điều trị thương tích. Đảo bỏ trốn. Ngày 23/02/2024, Đ đến Công an xã A đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội.

- Vật chứng thu giữ: 01 đoạn gỗ trụ tròn dài 37,2cm, đường kính 4,5cm, cân nặng 270gam.

- Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 139/24/KLTTCT-TTPY ngày 24/02/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh A, đối với Trần Thị L: Sẹo vùng giữa trán, nằm xiên, ngoài chân tóc, kích thước (3.5 x 0.2) cm, là sẹo có kích thước nhỏ, tỷ lệ 03%; Sẹo vùng đính trái, nằm xiên, kích thước (3.2 x 0.4) cm, là sẹo có kích thước trung bình, tỷ lệ 02%; Gãy xương chính mũi, đã phẫu thuật nâng xương chính mũi, tỷ lệ 08%. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của Trần Thị L tại thời điểm giám định là 13%. Cơ chế hình thành các thương tích trên do vật tày gây nên.

- Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống (bổ sung) số 139BS/24/KLTTCT-TTPY ngày 10/4/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh A, đối với Trần Thị L: Sưng nề vùng trán trái hiện tại không để lại thương tích, tỷ lệ 00%; Sưng nề vùng thái dương phải hiện tại không để lại thương tích, tỷ lệ 00%; Bầm quanh mắt phải hiện tại không để lại thương tích, tỷ lệ 00%; Sẹo mi dưới mắt phải, kích thước (03 x 0.1) cm, là sẹo có kích thước nhỏ, tỷ lệ 03%; Tổn thương hoàng điểm, thần kinh thị mắt phải, thị lực mắt phải 5/10, tỷ lệ 08%; Bầm mi trên - mi dưới mắt trái hiện tại không để lại thương tích, tỷ lệ 00%; Sẹo mổ trên cung mày trái, kích thước (0.8 x 0.1) cm, tỷ lệ 01%; Bầm máu vùng cạnh hàm phải hiện tại không để lại thương tích, tỷ lệ 00%; Gãy cung gò má phải, điều trị nội khoa, tỷ lệ 08%; Gãy thành trên xoang hàm phải, điều trị nội khoa, tỷ lệ 07%; Sưng bầm vùng cổ sau hiện tại không để lại thương tích, tỷ lệ 00%; Bầm máu mặt sau cẳng tay phải đến mu bàn tay phải hiện tại không để lại thương tích, tỷ lệ 00%; Bầm máu không liên tục mặt trước ngoài 1/3 trên đến 1/3 giữa cánh tay trái hiện tại không để lại thương tích, tỷ lệ 00%; Bầm máu mặt trước ngoài 1/3 dưới đùi phải hiện tại không để lại thương tích, tỷ lệ 00%. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể (bổ sung) do thương tích gây nên của Trần Thị L tại thời điểm giám định là 24%. Cùng với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể tại Bản kết luận số 139/24/KLTTCT-TTPY ngày 24/02/2024, tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 34%.

Ngày 03/3/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C khởi tố Trần Văn Đ để điều tra xử lý.

Tại Cáo trạng số 59/CT-VKSCM ngày 08 tháng 7 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới đã truy tố bị cáo Trần Văn Đ về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố. Bị cáo chấp nhận bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của bị hại. Bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên, xin Hội đồng xét xử xử phạt nhẹ.

- Bị hại bà Trần Thị L cung cấp lời khai như đã khai trong giai đoạn điều tra và giữ nguyên yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại về sức khỏe với số tiền 43.156.129 đồng.

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm 06 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự, đề nghị công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo, bị hại tại phiên tòa; buộc bị cáo bồi thường cho bị hại thiệt hại về sức khỏe với số tiền 43.156.129 đồng. Về xử lý vật chứng, đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu, tiêu hủy 01 đoạn gỗ trụ tròn dài 37,2cm bị thu giữ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, Kiểm sát viên được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được pháp luật tố tụng hình sự quy định. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo, bị cáo Trần Văn Đ khai nhận, bị cáo và bà Trần Thị L là vợ chồng, đã sống ly thân từ năm 2022. Ngày 09/02/2024, để hàn gắn tình cảm vợ chồng, bị cáo gọi điện thoại cho bà L nói dối mảnh đất

thuộc quyền sử dụng của bị cáo, bà L đã có người mua, đặt tiền cọc và kêu bà L về nhà của bị cáo vào ngày 13/02/2024 để làm thủ tục sang tên bán đất. Sáng ngày 13/02/2024, bị cáo đón bà L tại khu vực phà A và chở bà L đến viếng mộ của mẹ bị cáo. Khi đó, bị cáo nói với bà L sau khi viếng mộ xong rồi đi làm thủ tục sang tên bán đất. Viếng mộ xong, bị cáo và bà L đi vào căn nhà bỏ hoang của cha mẹ bị cáo ở cạnh khu mộ. Trong lúc bà L ngồi soạn lại quần áo cũ, bị cáo khuyên bà L về chung sống nhưng bà L không đồng ý. Do tức giận nên bị cáo lấy đoạn gỗ trụ tròn cầm trên tay trái đánh một cái vào vùng sau gáy; đánh trúng vào trán, đầu và mặt; đánh trúng mu bàn tay phải và cánh tay trái của bà L do bà L đưa hai tay lên đỡ. Khi đó, bà L có xin bị cáo đừng đánh nữa nhưng do còn tức giận nên bị cáo tiếp tục cầm đoạn gỗ đánh nhiều cái vào đầu và mặt của bà L. Khi bà L bỏ chạy, bị cáo nắm cổ áo, tay còn lại cầm đoạn gỗ đánh vào hông và đùi phải của bà L. Do thấy bà L bị chảy nhiều máu nên bị cáo dừng lại. Bà L bỏ chạy ra hướng đường nhựa. Bị cáo bỏ trốn. Đến ngày 23/02/2024, nhận thấy hành vi của mình sai trái, vi phạm pháp luật, bị cáo đến Công an xã A khai nhận hành vi phạm tội.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra như nội dung Cáo trạng đã nêu trên; phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng được thu giữ, biên bản xem xét dấu vết trên thân thể của bị hại ngày 23/02/2024 cùng bản ảnh kèm theo do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C lập, giấy chứng nhận thương tích số 151/2024/KHTH ngày 01/3/2024 của Bệnh viện Đ1 cùng các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan, đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án.

Theo Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 139/24/KLTTCT-TTPY ngày 24/02/2024 và Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống (bổ sung) số 139BS/24/KLTTCT-TTPY ngày 10/4/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh A, bà L bị thương tích ở các vùng trán, mũi, thái dương, mắt phải, mắt trái, mặt, cổ, tay phải, tai trái, đùi do vật tày gây nên với tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 34%.

Từ các chứng cứ trên, có cơ sở xác định, bị cáo đã dùng 01 đoạn gỗ trụ tròn dài 37,2cm, là hung khí nguy hiểm, đánh vào nhiều vị trí trên cơ thể của bà L, gây thương tích cho bà L.

Về nguyên nhân dẫn đến việc bị cáo gây thương tích cho bị hại, chỉ vì nguyên cớ nhỏ nhặt, xuất phát mâu thuẫn trong việc bà L không đồng ý chung sống với bị cáo mà bị cáo dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị hại. Cho nên, việc bị cáo gây thương tích cho bà L "có tính chất côn đồ".

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi gây thương tích cho bà L là xâm phạm quyền bất khả xâm phạm sức khỏe của người khác nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cố ý gây thương tích" với tình tiết định khung tăng nặng thương tích của bị hại 34% nhưng thuộc trường hợp "dùng hung khí nguy

hiểm" và "có tính chất côn đồ" được quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, sức khỏe là vốn quý của mỗi cá nhân và là nền tảng để mỗi người lao động, phát triển. Chính vì vậy, quyền được an toàn về sức khỏe của con người được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Đối với những người xâm phạm đến sức khỏe người khác một cách trái pháp luật, đáp ứng quy định của pháp luật hình sự sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất, là hình phạt.

Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến sức khoẻ của người khác mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Cho nên, cần xử phạt nghiêm bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năm hối cải; bị cáo đầu thú. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bên cạnh đó, về nhân thân, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo khi lượng hình.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị cáo, bị hại thống nhất, bị cáo bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bị hại với số tiền 43.156.129 đồng. Xét sự thống nhất giữa bị cáo, bị hại về số tiền mà bị cáo phải bồi thường cho bị hại là phù hợp với quy định tại các Điều 584, 585, 586 và 590 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, buộc bị cáo bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bị hại với số tiền 43.156.129 đồng.

[6] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: 01 đoạn gỗ trụ tròn dài 37,2cm được bị cáo sử dụng gây thương tích cho bị hại nên là công cụ phạm tội. Do đoạn gỗ trụ tròn này không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy theo điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.157.806 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn Đ phạm tội "*Cố ý gây thương tích*";

1. Căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 134, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trần Văn Đ 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị tạm giữ, ngày 23/02/2024 *(ngày hai mươi ba, tháng hai, năm hai nghìn không trăm hai*

mươi bốn).

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 584, 585, 586 và 590 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Trần Văn Đ bồi thường thiệt hại về sức khỏe bị xâm phạm cho bà Trần Thị L với số tiền *43.156.129 (bốn mươi ba triệu, một trăm năm mươi sáu nghìn, một trăm hai mươi chín) đồng*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) đoạn gỗ trụ tròn dài 37,2cm, đường kính 4,5cm, cân nặng 270g, trên đoạn gỗ có bám dính chất màu nâu, theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 20/8/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; các điểm a, c khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Trần Văn Đ phải chịu *200.000 (hai trăm nghìn) đồng* án phí hình sự sơ thẩm và *2.157.806 (hai triệu, một trăm năm mươi bảy nghìn, tám trăm lẻ sáu) đồng* án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bà Trần Thị L có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Chợ Mới;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp;
- Nhà Tạm giữ Công an huyện C;
- CQTHAHS Công an huyện C;
- CQĐT Công an huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện C;
- Bộ phận THAHS Tòa án;
- UBND cấp xã nơi BC cư trú;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu: hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Chí Bình